

Bản án số 140/2017/HSST
Ngày 21-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim San
2. Ông Đỗ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 147/2017/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Tuấn T (tên gọi khác: T Tũn), sinh năm 1995 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số 74/363 E1, phường E, quận I, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; con ông Đỗ Minh T2, sinh năm 1972 và bà Phạm Thúy H1, sinh năm 1977; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 18/5/2017, tạm giữ từ ngày 20/5/2017 đến ngày 25/5/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Đỗ Tiến C (tên gọi khác: Trộ), sinh năm 1995 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: Số 84/275 đường F1, phường F, quận I, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 19/340 đường Y1, phường Y, quận X, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp : Không; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; con ông Phạm Tiến T3 (đã chết) và bà Đỗ Kim D2, sinh năm 1973; có vợ là Hồ Thảo L, sinh năm 2000 (chưa đăng kí kết hôn); có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 01 tiền án đã được xóa án tích (Án số 215/2012/HSST ngày 28/12/2012 Tòa án nhân dân quận I, thành phố Hải Phòng xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản); bị bắt ngày 18/5/2017, tạm giữ từ ngày 20/5/2017 đến ngày 25/5/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Trần Xuân Đ, sinh năm 1993 tại Hải Phòng ; ĐKNKTT : Số 10/86 Đại

lộ G1, phường G, quận I, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 24 Lô 5 tập thể K1, phường K, quận I, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không ; trình độ văn hóa: Lớp 6/12 ; con ông Trần Xuân T4 (đã chết) và bà Vũ Thị T5, sinh năm 1968; có vợ là Lê Thị Thùy D2, sinh năm 1992; có 01 con, sinh năm 2015; ra đầu thú ngày 24/5/2017, tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 30/5/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

Những người bị hại:

1. Ngô Mỹ H, sinh năm 1987; trú tại: Tổ 41, khu 11, phường O1, thành phố O, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
2. Đặng Thị Ánh D, sinh năm 1987; trú tại: Số 95B đường N1, phường N, quận M, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
3. Nguyễn Mai D1, sinh năm 1988; trú tại: Số 5/45 đường P, quận I, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
4. Vũ Hoàng Thạch T1, sinh năm 1989; trú tại: Số 15/106 đường R1, quận R, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các bị cáo Đỗ Tuấn T, Đỗ Tiến C, Trần Xuân Đ bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 18/5/2017, Đỗ Tuấn T gọi điện thoại rủ Đỗ Tiến C đi cướp giật tài sản, C đồng ý. T mượn xe máy Honda Airblade biển kiểm soát (BKS): 15B2 - 679. 69 của bà Phạm Thúy H1 (mẹ T) rồi tháo BKS thật và chuẩn bị BKS giả 15C1 - 286.06 cho vào cốp xe rồi đi đón C. Đến nhà C, T lắp BKS giả vào xe rồi chở C đi trên các tuyến đường nội thành Hải Phòng để cướp giật tài sản của người đi đường. Khoảng 11 giờ 45 phút, T và C đi đến ngã ba đường Trần Phú - Trần Bình Trọng, thuộc phường S, quận R, thành phố Hải Phòng (cạnh tòa nhà DG tower) thì phát hiện thấy chị Ngô Mỹ H, sinh năm 1987, trú tại: Phường O1, thành phố O, tỉnh Quảng Ninh đang đi bộ sang đường, tay phải cầm 01 chiếc ví da màu xanh. T chở C áp sát chị H để C dùng tay trái giật chiếc ví da trên tay phải của chị H rồi phóng xe bỏ chạy. Sau khi cướp giật được tài sản, T và C kiểm tra bên trong ví thấy có 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus màu hồng phấn, số tiền 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) và một số giấy tờ, đồ vật cá nhân khác. T và C lấy tiền, điện thoại rồi vứt chiếc ví cùng toàn bộ giấy tờ, đồ vật còn lại xuống sông Lạch Tray khu vực cầu An Đồng. Sau đó, T và C mang chiếc điện thoại của chị H bán cho Vũ Hữu T6, sinh năm 1985, trú quán: Số 170 Y, quận X, thành phố Hải Phòng được 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền có được từ việc cướp giật chiếc ví và bán điện thoại của chị H được 10.600.000 đồng (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng), C và T chia nhau mỗi người được 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng). C đã chỉ tiêu hết

2.500.000 đồng, T chi tiêu hết 3.100.000 đồng. Số tiền còn lại, Cơ quan điều tra thu giữ của C 2.800.000 đồng, thu giữ của T 2.200.000 đồng khi thực hiện lệnh bắt khẩn cấp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 09 ngày 19/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận I xác định: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, 16Gb màu hồng phần đã qua sử dụng giá trị còn lại là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng); 01 ví da cầm tay màu xanh trị giá 400.000 (Bốn trăm nghìn đồng). Tổng giá trị của các tài sản cần định giá trên là 9.400.000 đồng (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Qua đấu tranh mở rộng điều tra vụ án, Đỗ Tiến C và Đỗ Tuấn T còn khai nhận đã gây ra 02 vụ cướp giật tài sản trên phố Cầu Đất và Trần Hưng Đạo. Ngoài ra, Đỗ Tuấn T và Trần Xuân Đ sinh năm 1994, trú tại: Số 24 gác 2 tập thể K1, phường K, quận I, thành phố Hải Phòng còn gây ra 01 vụ cướp giật tài sản trên đường Lê Hồng Phong, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30/3/2017, Trần Xuân Đ rủ Đỗ Tuấn T đi cướp giật tài sản, T đồng ý. Đ mượn xe máy Airblade BKS 15B2 - 481.20 của ông Vũ Văn B (bác của Đ), tháo biển kiểm soát của xe ra và đưa cho T điều khiển chở Đ đi trên các tuyến phố tìm người sơ hở để cướp giật tài sản. Khoảng 21 giờ cùng ngày, khi đi đến đoạn đường Lê Hồng Phong, thuộc phường R1, quận R, thành phố Hải Phòng, T nhìn thấy chị Đặng Thị Ánh D, sinh năm 1988, trú tại: 81B N1, N, M, Hải Phòng đang ngồi sau xe máy do anh Phạm Hải L1 điều khiển đi cùng chiều phía trước, chị D đeo chéo qua vai 01 túi xách kiểu ba lô màu đen, T huých vào chân Đ ra hiệu và lái xe áp sát xe máy của chị D để Đ dùng 02 tay giật mạnh làm chiếc túi bị đứt quai. Sau khi cướp giật được tài sản, T và Đ kiểm tra bên trong ba lô có 01 điện thoại Iphone 6s màu hồng, số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) và một số đồ vật cá nhân khác. T đưa cho Đ 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) và chiếc điện thoại, số đồ vật còn lại và chiếc túi xách, T – Đ vứt xuống sông Lạch Tray. Đ cầm chiếc điện thoại đã cướp giật được của chị D bán cho Đặng Thanh T6, sinh năm 1987, trú tại 305 gác 3, Lý Thường Kiệt, phường N, quận M, thành phố Hải Phòng được 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền bán điện thoại Đ không chia cho T.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10 ngày 29/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận I xác định: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, 16Gb màu hồng phần đã qua sử dụng giá trị còn lại là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); 01 túi xách kiểu “Ba lô” trị giá 300.000 (Ba trăm nghìn đồng). Tổng giá trị của các tài sản cần định giá trên là 8.300.000 (Tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 10/4/2017, Đỗ Tuấn T chở Đỗ Tiến C ngồi sau xe máy Honda Airblade (đã tháo BKS: 15B2-383.64) của chị Hồ Thảo L (vợ C). Khi đến khu vực ngã tư đường Cầu Đất – Lương Khánh Thiện - Cát Dài

thuộc phường Cầu Đất, quận R. T phát hiện thấy chị Nguyễn Mai D1, sinh năm 1988, trú tại: Số 05/45 P, quận I, thành phố Hải Phòng đang ngồi sau xe máy do anh Phạm Xuân T8 điều khiển đang đi chậm chờ đèn đỏ. Trên tay chị D1 cầm 01 chiếc ví da màu đen. T điều khiển xe áp sát để C ngồi sau cướp giật chiếc ví da của chị D1. Sau khi cướp giật được tài sản, T và C lục soát bên trong ví có 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng vàng 16Gb, 01 dây chuyền vàng tây khoảng 02 chỉ, số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) cùng 01 số đồ vật cá nhân khác. Cả hai lấy tiền, dây chuyền, điện thoại, còn lại chiếc ví và những đồ vật khác vứt xuống sông Lạch Tray. Chiếc điện thoại của chị D1, T và C nhờ Dương Công Q, sinh năm 1994, trú tại: Số 39 E1, phường E, quận I, thành phố Hải Phòng bán được 1.000.000 đồng. Tổng số tiền có được từ việc cướp giật chiếc ví và bán điện thoại của chị D1 được 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng), C và T chia nhau mỗi người được 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng), chiếc dây chuyền trên, T tặng cho bạn gái là Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1997, trú tại: 180/55/46 Lạch Tray, quận R, thành phố Hải Phòng. Chị T1 đã giao nộp chiếc dây chuyền cho Cơ quan điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 32 ngày 04/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận I xác định: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 16Gb màu vàng đã qua sử dụng giá trị còn lại là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); 01 sợi dây chuyền kim loại vàng có trọng lượng 1,8448 gram trị giá 1.436.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng); 01 ví da cầm tay có chữ Chales do không xác định được xuất xứ vì vậy Hội đồng định giá không đủ căn cứ để định giá. Tổng giá trị của các tài sản cần định giá trên là 7.463.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 12/4/2017, T và C rủ nhau tiếp tục đi cướp giật tài sản, C lấy xe máy Air Blade (đã tháo BKS: 15B2-383.64) sang nhà đón T rồi đi về khu vực Trung tâm thành phố tìm người sơ hở để cướp giật tài sản. Khi đến đoạn đường Trần Hưng Đạo, T và Cường phát hiện thấy chị Vũ Hoàng Thạch T1, sinh năm 1989, trú tại: 15/106 R1, phường R2, quận R, thành phố Hải Phòng đang đỗ xe máy trên vỉa hè nghe điện thoại, chị T1 để 01 chiếc túi xách màu trắng đỏ trên yên xe máy. T chở C đi lên vỉa hè áp sát xe máy để C dùng tay trái giật chiếc túi xách trên rồi bỏ chạy. Sau đó, T và C lục soát bên trong túi xách có 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) còn chiếc túi xách và các đồ vật còn lại vứt ở nghĩa địa gần cầu K1.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 68 ngày 13/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận I xác định: chiếc túi xách màu trắng- đỏ mà C, T cướp giật được của chị Vũ Hoàng Thạch T1 không đủ căn cứ định giá tài sản.

Ngày 19/5/2017, Đỗ Tiến C và Đỗ Tuấn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng bắt khẩn cấp. Ngày 24/5/2017, Trần Xuân Đ đầu thú tại Cơ quan điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 146/CT-VKS ngày 10 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Đỗ Tuấn T, Đỗ Tiến C, Trần Xuân Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau phần xét hỏi, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Tuấn T, Đỗ Tiến C, Trần Xuân Đ; (Áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T, C; áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ), xử phạt:

Đỗ Tuấn T: Từ 6 năm đến 7 năm tù.

Đỗ Tiến C: Từ 5 năm đến 6 năm tù.

Trần Xuân Đ: Từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm 6 tháng tù.

Về bồi thường dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của người bị hại. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu 5 triệu đồng sung quỹ Nhà nước và tịch thu, tiêu hủy số quần áo bị thu giữ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo cùng các tài liệu tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Tuấn T, Đỗ Tiến C, Trần Xuân Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai những người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, Kết luận định giá tài sản, phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2017 đến tháng 5/2017, Đỗ Tuấn T đã điều khiển xe máy chở Đỗ Tiến C đi trên đường, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Ngô Mỹ H, Nguyễn Mai D1, Vũ Hoàng Thạch T1, các bị cáo T, C đã có hành vi tiếp cận, công khai chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát. Tổng giá trị tài sản bị cáo T và C chiếm đoạt của những người bị hại là 25.663.000 đồng. Ngoài ra, Đỗ Tuấn T còn cùng Trần Xuân Đ sử dụng xe máy thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản của chị Đặng Thị Ánh D, có giá trị tài sản là 10.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo Đỗ Tuấn T tham gia cướp giật là 36.263.000 đồng. Như vậy, các bị cáo Đỗ Tuấn T, Đỗ Tiến C, Trần Xuân Đ đã phạm tội “Cướp giật tài sản” phạm Điều 136 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự chung. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

[1] Xét tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo Đỗ Tuấn T, Đỗ Tiến C, Trần Xuân Đ đã có hành vi dùng xe máy để cướp giật tài sản của những người bị hại, trong khi đó, những người bị hại cũng đang sử dụng xe máy. Hành vi cướp giật của các bị cáo có thể làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của những người bị hại, do vậy các bị cáo phạm điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: :

Về vai trò: Bị cáo T là người điều khiển xe máy chở các bị cáo khác thực hiện việc cướp giật, tham gia 4 vụ cướp giật tài sản nên bị cáo T có vai trò cao nhất. Bị cáo C là người thực hành tích cực, trực tiếp thực hiện 03 vụ cướp giật nên có vai trò thấp hơn bị cáo T. Bị cáo Đ là người thực hành tích cực, trực tiếp thực hiện 01 vụ cướp giật nên có vai trò thấp nhất.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo T, C đã nhiều lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo C có 1 tiền án đã được xóa nên phải coi là có nhân thân không tốt; các bị cáo T, Đ nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Đ ra đầu thú, gia đình bị cáo Đ đã bồi thường cho người bị hại D. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ.

Xét hoàn cảnh các bị cáo gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền các bị cáo.

Về bồi thường dân sự và thu lợi bất chính:

+ Đối với người bị hại Ngô Mỹ H: Chị H bị các bị cáo T, C chiếm đoạt số tiền 4.400.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6s Plus màu hồng trị giá 9.000.000 đồng, các bị cáo bán cho anh Vũ Hữu T6 được 6.200.000 đồng, anh T6 đã nộp lại chiếc điện thoại và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét. Chị H đã nhận lại chiếc điện thoại và không có yêu cầu bồi thường. Do vậy khoản tiền 4.400.000 đồng chiếm đoạt của chị H và 6.200.000 đồng bán điện thoại là khoản

thu lợi bất chính, nên buộc các bị cáo T và C phải nộp lại để sung công quỹ nhà nước, mỗi bị cáo phải nộp là 5.300.000 đồng.

+ Đối với người bị hại Đặng Thị Ánh D: Chị D bị các bị cáo T, Đ chiếm đoạt số tiền 2.300.000 đồng, (theo chị D khai khoảng 3.000.000 đồng); 01 chiếc Ba lô trị giá 300.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6s màu hồng, chiếc điện thoại trị giá 8.000.000 đồng, nhưng bị cáo Đ bán cho anh Đặng Thanh T7 1.500.000 đồng, anh T7 đã nộp lại điện thoại và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét. Chị D đã nhận lại chiếc điện thoại và yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền và trị giá chiếc Ba lô 300.000 đồng. Số tiền 2.300.000, chia nhau Đ được 1.200.000 đồng, T được 1.100.000 đồng và trị giá chiếc ba lô 300.000 đồng. Gia đình bị cáo Đ đã bồi thường cho chị D 1.350.000 đồng. Phần còn lại là 1.250.000 đồng, buộc bị cáo T phải bồi thường. Và buộc bị cáo Đ phải nộp lại 1.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc bán điện thoại.

+ Đối với người bị hại Nguyễn Mai D1: Chị D1 bị các bị cáo T, C chiếm đoạt số tiền 400.000 đồng, (Chị D1 khai số tiền khoảng 1.000.000 đồng); 01 dây chuyền vàng, dây chuyền này bị cáo T tặng cho bạn gái là chị Nguyễn Thị Mỹ T1, chị T1 đã nộp lại và không có yêu cầu gì. 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, theo kết luận định giá trị giá 6.000.000 đồng, hiện chưa thu hồi được.

Chị D1 đã được nhận lại dây chuyền và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị điện thoại theo định giá và số tiền bị chiếm đoạt là 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả điều tra chỉ xác định được số tiền chị D1 bị chiếm đoạt là 400.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị D1, buộc các bị cáo T, C phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường giá trị điện thoại theo định giá là 6.000.000 đồng và số tiền chiếm đoạt 400.000 đồng; mỗi bị cáo phải bồi thường 3.200.000 đồng. Các bị cáo không phải nộp lại tiền thu lợi bất chính.

+ Đối với người bị hại Vũ Hoàng Thạch T1: Chị T1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 17.000.000 đồng, tuy nhiên, căn cứ vào kết quả điều tra chỉ có cơ sở xác định số tiền chị T1 bị chiếm đoạt là 4.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của chị T1, buộc các bị cáo T, C phải liên đới bồi thường số tiền 4.000.000 đồng; mỗi bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng. Các bị cáo không phải nộp lại tiền thu lợi bất chính.

Như vậy, đối với số tiền thu lợi bất chính, bị cáo T được hưởng lợi 5.300.000 đồng, bị cáo đã bị thu giữ 2.200.000 đồng nên còn phải nộp lại số tiền $5.300.000 - 2.200.000 = 3.100.000$ đồng. Bị cáo C được hưởng lợi 5.300.000 đồng, bị cáo đã bị thu giữ 2.800.000 nên còn phải nộp lại số tiền $5.300.000 - 2.800.000 = 2.500.000$ đồng. Bị cáo Đ nộp lại số tiền 1.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 quần bò dài màu đen; 01 áo phao màu xám; 01 quần bò màu xám; 01 đôi giày: Đây là những vật bị cáo T, C sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng: Đây là số tiền các bị cáo C, T phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền này.

Về án phí: Các bị cáo Đỗ Tuấn T, Đỗ Tiến C, Trần Xuân Đ phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Đỗ Tuấn T, Đỗ Tiến C, Trần Xuân Đ đồng phạm tội "Cướp giật tài sản".

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Tuấn T, Đỗ Tiến C, Trần Xuân Đ (áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T, C; áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ).

Xử phạt:

Đỗ Tuấn T: 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2017.

Đỗ Tiến C: 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2017.

Trần Xuân Đ: 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2017.

2. Về thu lợi bất chính: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Buộc bị cáo Đỗ Tuấn T phải nộp lại 3.100.000 (Ba triệu một trăm nghìn) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Đỗ Tiến C nộp lại 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Bị cáo Trần Xuân Đ phải nộp lại 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc:

Bị cáo Đỗ Tuấn T bồi thường cho người bị hại Đặng Thị Ánh D số tiền 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng; bồi thường cho người bị hại Nguyễn Mai D1 số tiền 3.200.000 (Ba triệu hai trăm nghìn) đồng; bồi thường cho người bị hại Vũ Hoàng Thạch T1 số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Tổng bồi thường là: 6.450.000 (Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bị cáo Đỗ Tiến C bồi thường cho người bị hại Nguyễn Mai D1 số tiền 3.200.000 (Ba triệu hai trăm nghìn) đồng; bồi thường cho người bị hại Vũ Hoàng Thạch T1 số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Tổng bồi thường là: 5.200.000 (Năm triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, những người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án”.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) quần bò dài màu đen; 01 (Một) áo phao màu xám; 01 (Một) quần bò màu xám; 01 (Một) đôi giày.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: Số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/10/2017 tại Cục Thi hành án thành phố Hải Phòng).

3. Về án phí: Mỗi bị cáo Đỗ Tuấn T, Đỗ Tiến C, Trần Xuân Đ phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đỗ Tuấn T phải nộp 322.500 (Ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Đỗ Tiến C phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại nơi cư trú.

“ Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm

